

Bản án số: 27/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 04/9/2019

V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị An

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Vũ Văn Hoàn

2, Ông Nguyễn Tất Dũng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Mạnh Hùng - Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa;
Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Q, sinh năm 1986

(vắng mặt - có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn L, sinh năm 1986

(vắng mặt tại phiên tòa)

Cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã V, huyện H, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 24/4/2019, biên bản lấy lời khai ngày 21/5/2019, nguyên đơn chị Lương Thị Q trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phùng Văn L năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh N trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm Đ, xã V, huyện H, tỉnh N. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận, tới khoảng năm 2014 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do anh L thường xuyên tụ

tập với bạn bè xấu, những đối tượng nghiện ngập, rồi sau đó chính anh L cũng mắc nghiện, chị có khuyên can nhiều lần nhưng không được, càng ngày nghiện càng nặng, thường xuyên đi sớm về muộn, không tu chí làm ăn. Từ khoảng cuối năm 2015 trở lại đây anh L thường xuyên vắng nhà, đi làm ăn lang thang nay đây mai đó, thi thoảng mới về rồi lại đi, bỏ bê gia đình, vợ con không quan tâm hay có bất cứ trách nhiệm gì.

Nay chị xác định hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này nữa, nhiều năm qua cuộc sống của chị không ổn định, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Phùng Văn D, sinh ngày 15/01/2011, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Văn L vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tại các Biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương nơi cư trú và Biên bản làm việc với người thân thích có mặt ở địa phương của anh L là chị Phùng Thị N xác định: Mấy năm trở lại đây anh L thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi làm lang thang nay đây mai đó không ai biết địa chỉ cụ thể, thi thoảng mới trở về địa phương rồi lại đi. Về tình trạng hôn nhân, quá trình chung sống chị Q và anh L có xảy ra mâu thuẫn, bản thân anh L là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên vắng mặt tại địa phương, bỏ bê gia đình vợ con. Việc chị Q khởi kiện ly hôn, anh L đã biết nhưng không tới Tòa án giải quyết, quan điểm của anh L là tùy vào quyết định của chị Q.

Tại Đơn đề nghị đề ngày 20/7/2019, cháu Phùng Văn D con chung của chị Q anh L thể hiện nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều: 21, 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Lương Thị Q, cho Lương Thị Q được ly hôn anh Phùng Văn L.

+ Về con chung: Giao con chung là Phùng Văn D, sinh ngày 15/01/2011 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L do chị Q chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

+ Án phí: Chị Lương Thị Q được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vì thuộc diện hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm Đ, xã V, huyện H, tỉnh N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Lương Thị Q.

Đối với bị đơn anh Phùng Văn L, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn nhưng bị đơn không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi niêm yết, bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần niêm yết giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, anh L vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phùng Văn L.

[2] Về nội dung:

Chị Lương Thị Q và anh Phùng Văn L kết hôn năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ thông tin xác minh tại địa phương nơi anh L cư trú và thông qua người thân thích (em gái ruột) của bị đơn, có cơ sở để xác định: Sau khi kết hôn, chị Q và anh L chung sống hòa thuận một thời gian. Tới năm 2014 thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do anh L có biểu hiện nghiện ma túy, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh L có nhận được thông tin về việc chị Q khởi kiện xin ly hôn nhưng anh L không đến Tòa án và không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Điều đó cho thấy, anh L không có thiện chí giữ gìn và níu kéo cuộc hôn nhân của mình. Do vậy, có căn cứ xác

định, giữa chị Q và anh L không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị được ly hôn anh L và phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Q, anh L có 01 con chung là Phùng Văn D, sinh ngày 15/01/2011. Hiện tại con chung đang ở với mẹ. Nguyên vọng của chị Q muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng, do anh L vắng mặt, không có ý kiến về việc nuôi con nên không có căn cứ giao con chung cho anh L nuôi dưỡng. Xét nguyên vọng của chị Q là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với nguyên vọng của con nên cần thiết giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của con khi bố mẹ ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L do chị Q không yêu cầu. Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện bằng vụ án khác về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Q xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía bị đơn anh L không có lời khai nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn, các đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án chia tài sản sau khi ly hôn nếu thấy cần thiết và có căn cứ.

[3] Về án phí:

Chị Q thuộc trường hợp hộ nghèo, có Giấy chứng nhận hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Lương Thị Q. Hoàn lại cho chị Q số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp ngày 04/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều: 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị Q đối với anh Phùng Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lường Thị Q được ly hôn anh Phùng Văn L.

2. Về con chung: Chị Q và anh L có 01 con chung là Phùng Văn D, sinh ngày 15/01/2011. Giao con chung cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh L vì chị Q không yêu cầu. Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Lường Thị Q được miễn án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Q số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0016320 ngày 04/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Chị Q và anh L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã Văn Hán, huyện Đồng Hỷ;
- Lưu: HSVA, bộ phận HNGĐ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Vũ Thị An